

**UBND TỈNH ĐẮK LẮK
VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *82* /VPUBND-NN&MT
V/v lấy ý kiến đối với Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 – 2020

Đắk Lắk, ngày *20* tháng 02 năm 2017

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk.

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 14/10/2016 của Tỉnh ủy, về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2325/QĐ-UBND, ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; trong đó có giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện. Đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu, dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 – 2020 và báo cáo UBND tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 – 2020 đến các Sở, ngành để nghiên cứu, tham gia ý kiến và gửi ý kiến tham gia góp ý về Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 28/02/2017 để Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành theo quy định. Nếu quá thời gian nêu trên, nếu đơn vị nào không có ý kiến tham gia xem như là đồng ý với nội dung dự thảo.

Văn phòng UBND tỉnh rất mong nhận được ý kiến tham gia của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NN&MT;
- Lưu VT, NN&MT. (*82-266*)

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Vinh



Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 02 năm 2017

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Đắk Lắk
Giai đoạn 2016 - 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ-TU ngày 14/10/2016 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Xét đề nghị của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 241/TTr-SNN ngày 26/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 2. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này, xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể, thiết thực để triển khai thực hiện có hiệu quả.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban chỉ đạo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững của tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Bộ NN&PTNT;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT, NN&MT;
- Lưu VT, NN&MT (Đg-100 bản).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Giang Gry Niê Knơng



KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 – 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /02/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ-TU ngày 14/10/2016 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020, gồm các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020 được chủ động, đồng bộ, đạt mục tiêu, hiệu quả cao nhằm thực hiện tái cơ cấu một số sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tập trung ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao vào sản xuất; đổi mới tổ chức sản xuất, thu hút đầu tư, đẩy mạnh liên kết, phát triển chế biến, thương mại - dịch vụ nông sản nhằm phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại có giá trị gia tăng cao, an toàn, bền vững và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản; đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng và xuất khẩu. Nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho dân cư nông thôn; quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng nhà nước;

- Các giải pháp thực hiện phải mang tính đồng bộ, hiệu quả, có trọng điểm, ưu tiên theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ để tập trung triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh đảm bảo có hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ

1. Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt nội dung đề án, kế hoạch thực hiện đề án

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Đề án, Kế hoạch thực hiện Đề án và các văn bản khác có liên quan đến các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch

- Rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở quy hoạch đô thị, công nghiệp đề xây dựng các vùng chuyên canh, các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và lộ trình thực hiện theo 7 ngành hàng nông nghiệp chủ lực (cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, sắn, ong mật, bò sữa và bò thịt).

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng nông nghiệp hàng hóa. Xác định các vùng sản xuất nông nghiệp ổn định, tập trung sau năm 2020, đặc biệt là các vùng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, những vùng thực hiện dịch vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là dịch vụ phục vụ đầu ra như: bảo quản, chế biến, giết mổ, tiêu thụ sản phẩm, có cơ sở hạ tầng kết nối giữa tỉnh với các tỉnh lân cận. Lựa chọn và khẩn trương xây dựng đề án bố trí cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn 01 huyện/thị đến năm 2020, làm cơ sở để triển khai cho các huyện còn lại.

- Ưu đãi và hỗ trợ đặc biệt để thu hút doanh nghiệp thuê đất lâu dài của hộ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ người dân góp vốn bằng đất với doanh nghiệp để tạo quỹ đất hình thành vùng sản xuất quy mô lớn, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp. Đảm bảo quỹ đất ổn định để thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp - dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ tích tụ ruộng đất cho người sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao. Hỗ trợ thực hiện dồn thửa đổi ruộng ở các địa bàn phù hợp: dân tự nguyện và có kế hoạch tổ chức tốt.

- Chuyển đổi một số đất lúa, đất màu kém hiệu quả sang đất nông nghiệp khác để chuyển chăn nuôi ra ngoài khu dân cư theo quy hoạch. Sử dụng linh hoạt đất lúa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo nhu cầu của thị trường.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, đảm bảo đồng bộ giữa các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phổ biến, công khai rộng rãi các loại quy hoạch.

3. Khuyến khích, thu hút đầu tư tư nhân, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành liên quan đến khuyến khích, thu hút đầu tư tư nhân.

- Tổ chức nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư về thu hút vốn đầu tư nước ngoài; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân để huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục tăng vốn đầu tư của ngân sách phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

- Rà soát, phân loại các dự án đầu tư, xác định phương thức và nguồn vốn đầu tư nhằm thu hút tối đa các nguồn lực xã hội, đảm bảo việc đầu tư có trọng điểm, liên tục, không bị gián đoạn.

- Ưu tiên đầu tư công cho các lĩnh vực:

+ Nông nghiệp: các chương trình dự án phát triển giống cây trồng, vật nuôi có giá trị, năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu với sinh vật gây hại và dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ưu tiên các loại giống cà phê, hồ tiêu, cao su, sắn, cây ăn quả, giống

ong, giống gia súc, gia cầm; các dự án giám sát, phòng ngừa và kiểm soát sinh vật gây hại và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch; bảo đảm an toàn thực phẩm.

+ Thủy sản: đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung, phát triển giống thủy sản, hệ thống cảnh báo và giám sát môi trường, hệ thống quản lý dịch bệnh và thú ý thủy sản; có cơ chế hỗ trợ kinh phí trong việc xử lý dịch bệnh, tái đàn đối với người nuôi thủy sản; hỗ trợ phương thức phối hợp quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ đầu tư bảo quản, chế biến giảm tổn thất sau thu hoạch.

+ Lâm nghiệp: đầu tư phát triển hệ thống nghiên cứu và cung ứng giống cây lâm nghiệp chất lượng cao; phát triển mô hình nông lâm kết và phát triển dịch vụ môi trường rừng.

+ Khoa học, công nghệ, xúc tiến thương mại và khuyến nông: ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; củng cố, hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường nông sản, nâng cao năng lực dự báo, cung cấp thông tin về cung - cầu, giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh và trong khu vực; hỗ trợ các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại; các dự án, mô hình khuyến nông phát triển các loại cây trồng, vật nuôi trọng điểm và các loại cây trồng, vật nuôi mới có hiệu quả kinh tế cao; phát triển các sản phẩm xuất khẩu, ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản xuất theo các quy trình đáp ứng điều kiện ưu đãi về thuế tại các hiệp định thương mại (FTA, WTO, TPP...), đáp ứng các yêu cầu, điều kiện nhập khẩu của thị trường thế giới, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; đảm bảo nhu cầu vốn thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Khu Nông nghiệp công nghệ cao nhằm ứng dụng nhanh công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

+ Thủy lợi: đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi theo định hướng đa mục tiêu, vừa tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phòng chống cháy rừng, vừa cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp; hoàn thiện bộ định mức kinh tế kỹ thuật duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi; đảm bảo vốn cho nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình; hỗ trợ áp dụng các phương pháp tiết kiệm nước; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi; thí điểm mô hình theo phương thức PPP đối với công trình phục vụ tưới, nước sinh hoạt nông thôn.

+ Xây dựng và triển khai phổ cập quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn sạch, bền vững cho các cây trồng, vật nuôi chủ lực tỉnh Đắk Lắk.

4. Tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp

- Tiếp tục củng cố, sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nông lâm nghiệp, gắn hoạt động của doanh nghiệp với nhiệm vụ chủ lực trong việc thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi toàn diện HTX theo Luật HTX năm 2012. Xoá bỏ các HTX hoạt động kém hiệu quả, thường xuyên thua lỗ. Đẩy nhanh thành lập mới các HTX, tổ hợp tác chuyên ngành (HTX kiểu mới) làm đầu mối, đại diện nông dân liên kết với doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Phát triển mạnh trang trại, gia trại sản xuất hàng hóa. Khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có tiềm lực mạnh, ứng dụng công nghệ cao đầu tư vào sản xuất nông nghiệp. Phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị thông qua hợp đồng kinh tế giữa hợp tác xã, nông dân với doanh nghiệp để dần thay thế cho mô hình kinh tế hộ nhỏ lẻ, manh mún, hiệu quả thấp. Trong đó doanh nghiệp giữ

vai trò đầu tàu, định hướng cho nông dân và HTX về sản phẩm quy mô quy trình sản xuất, chất lượng, quy cách nông sản; HTX, tổ hợp tác là đầu mối đại diện của nông dân tham gia các liên kết với doanh nghiệp.

- Tăng cường sự tham gia của các hội ngành, đoàn thể, nhất là Hội Nông dân tỉnh trong các chương trình phát triển nông nghiệp; củng cố và tăng cường mối quan hệ liên kết giữa nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, củng cố, hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường năng lực của hệ thống kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm đối với vật tư, sản phẩm nông lâm thủy sản, quyền lợi người tiêu dùng.

5. Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống chính sách

Xây dựng cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực thực hiện Đề án. Các Sở, ban ngành có liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh quyết định các cơ chế chính sách tạo động lực cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp như: chính sách hỗ trợ bù lãi suất đối với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia liên kết với các hộ gia đình, tổ hợp tác, HTX phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; chính sách thu hút nguồn vốn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Đắc Lắc theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Thường xuyên theo dõi, kịp thời cập nhật và phổ biến chính sách thương mại của các đối tác, các tổ chức quốc tế và các nước đến nông dân doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để có định hướng và kịp thời điều chỉnh các phương án sản xuất, kinh doanh. Tăng cường đầu tư cho hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nông lâm thủy sản. Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại trong thương mại nông lâm thủy sản. Nghiên cứu kỹ các quy định của WTO, TTP, FTA nhằm đề xuất các biện pháp hỗ trợ phát triển sản xuất mà không vi phạm cam kết.

5.1. Chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp

- Thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp:

+ Quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung; hỗ trợ thực hiện quy hoạch.

+ Bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu.

+ Thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp theo quy định Chính phủ. Ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù của tỉnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu. Ưu đãi đặc biệt là doanh nghiệp liên kết, kí hợp đồng tiêu thụ sản phẩm lâu dài cho nông dân, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp định hướng xuất khẩu sản phẩm.

- Ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt các doanh nghiệp đầu tư sản xuất giống cây trồng, vật nuôi thích hợp cho sản xuất nông nghiệp hiện đại, sạch.

- Ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư đầu tư vào kinh doanh chế biến nông lâm sản và dịch vụ nông nghiệp.

5.2. Chính sách tăng quy mô và sử dụng hiệu quả đầu tư cho nông nghiệp

- Tăng đầu tư ngân sách cho nông nghiệp, nông thôn: trong 5 năm tăng gấp đôi ngân sách tỉnh đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Tốc độ tăng đều hàng năm.

- Hỗ trợ theo chuỗi giá trị liên kết. Ưu tiên hỗ trợ các chuỗi ngành hàng có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung đầu tư hỗ trợ các ngành hàng chủ lực, các vùng sản xuất trọng điểm, các cơ sở sản xuất an toàn.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng đồng bộ cho vùng sản xuất các ngành hàng chủ lực: đường giao thông, thủy lợi, điện, khu xử lý chất thải,...

- Ưu tiên đầu tư vào việc tăng chất lượng giống, công nghệ sạch, công nghệ mới, bảo vệ môi trường, nâng cao kỹ năng người sản xuất.

- Mở rộng đối tượng tiếp cận hỗ trợ nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ cho khu vực tư nhân (doanh nghiệp, trang trại, HTX,...).

5.3. Chính sách đổi mới cung cấp dịch vụ công

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về nông nghiệp ở cả 3 cấp; đổi mới mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ công đối với các đơn vị sự nghiệp.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ nông nghiệp cơ sở (xã, thôn). Nghiên cứu tổ chức lại bộ máy hỗ trợ phát triển nông nghiệp cấp xã (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y,...).

- Xã hội hóa dịch vụ công nông nghiệp: giao một số, một phần dịch vụ công nông nghiệp cho doanh nghiệp, HTX, tư nhân như dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật, cung cấp vật tư đầu vào cho sản xuất, khuyến nông,...

- Ưu tiên cung cấp dịch vụ công cho các ngành hàng chủ lực, vùng sản xuất hàng hóa trọng điểm.

- Nhà nước tập trung vào dịch vụ công: phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, phòng chống rủi ro, bảo vệ môi trường... để hỗ trợ doanh nghiệp

- Tăng ngân sách cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao KHCN cho sản xuất, chế biến nông sản hàng hóa, chất lượng VSATTP.

- Đánh giá chất lượng dịch vụ công dựa trên phản hồi của người sử dụng dịch vụ.

- Hỗ trợ dịch vụ công cho lao động: tư vấn pháp lý, thông tin, bảo hiểm...

5.4. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX, chủ trang trại, nông dân và chính quyền cấp xã tiếp cận và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của nhà nước như: Luật đất đai sửa đổi năm 2013; Luật HTX năm 2012; Nghị định 55/2015 ngày 09/06/2015 của chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn; Nghị định 210 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định 68 của Thủ tướng về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp; Quyết định 62 của Thủ tướng về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản; Quyết định 1956 của Thủ tướng phê duyệt Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh về xây dựng NTM và hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập mới các doanh nghiệp nông nghiệp và phát triển các HTX chuyên ngành (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ, chế biến tiêu thụ nông sản); khuyến khích doanh nghiệp liên kết với nông dân tổ chức và tiêu thụ nông sản theo chuỗi; chính sách khuyến khích tích tụ ruộng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, cho thuê đất ổn định lâu dài để các tổ chức, cá nhân yên tâm đầu tư sản xuất.

6. Đào tạo nông dân và lao động nông thôn chuyên nghiệp

- Đào tạo nông dân có trình độ về tổ chức sản xuất và thị trường.

- Đào tạo, nâng cao năng lực chủ cơ sở sản xuất nông nghiệp quy mô lớn: chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất nông nghiệp về kỹ thuật, kỹ năng quản trị sản xuất (tài chính, lao động, canh tác,...).

- Tập huấn, nâng cao kiến thức kỹ năng cho các tác nhân ngành hàng nông sản: Thương lái, thu gom, chế biến về chính sách, pháp luật...

- Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức cho các chủ cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; các hộ nghề; các cơ sở kinh doanh; các doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo ngành nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Có chính sách khuyến khích sử dụng lao động chuyên môn hóa, lao động được đào tạo, đặc biệt trong lĩnh vực NLTS. Gắn việc nhận các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước với việc sử dụng lao động được đào tạo. Lao động nông nghiệp chuyên môn hóa như là một tiêu chí của các trang trại, gia trại, các cơ sở sản xuất an toàn, nhận sự hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, tiếp cận dịch vụ tín dụng,...

7. Ứng dụng khoa học công nghệ và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

- Xây dựng bộ giống cây trồng, con nuôi chủ lực đặc trưng của tỉnh có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao và thích ứng với BĐKH cho 7 sản phẩm chủ lực. Cùng với bộ giống hiện có, hàng năm tổ chức khảo nghiệm, tuyển chọn thêm các giống mới có nhiều ưu việt để thay thế các giống cũ.

- Đa dạng hóa các loại máy làm đất để nâng cao năng suất, tiến độ và chất lượng. Tiếp tục khuyến khích đầu tư phát triển cơ giới hóa khâu gieo trồng và thu hoạch, phấn đấu đến hết năm 2020 tỷ lệ cơ giới hóa đạt 50%.

- Nghiên cứu, lựa chọn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và giải pháp công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

+ Trồng trọt: Phát triển, nhân rộng cánh đồng lớn, sử dụng giống lúa chất lượng đối với sản xuất lúa nước; mở rộng áp dụng trồng cà phê bằng tưới tiết kiệm.

+ Chăn nuôi: Áp dụng công nghệ chăn nuôi chuồng kín, chăn nuôi không mùi, công nghệ sản xuất thịt sạch, trứng sạch, công nghệ sử lý chất thải...

+ Thủy sản: Áp dụng quy trình nuôi tập trung thâm canh và bán thâm canh.

- Tăng cường phổ cập ứng dụng VietGAP, GlobalGAP... và các chế phẩm sinh học trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

- Tận dụng phế phẩm, phụ phẩm, chất thải trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và chế biến nông lâm thủy sản để sản xuất phân hữu cơ, năng lượng (gas) và các sản phẩm hữu ích khác phục vụ nông nghiệp và đời sống.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương, có cơ chế ưu đãi mời, gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các khu, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, trước mắt thành lập 1 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp tỉnh, hoàn thành thủ tục công nhận và đầu tư phát triển vùng cà phê ứng dụng công nghệ cao quy mô 28 nghìn ha theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Chế biến nông sản, xúc tiến thương mại và thị trường

- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cho một số Trung tâm, cơ sở, doanh nghiệp sản xuất giống cây trồng, con nuôi chủ lực của tỉnh để có đủ năng lực nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu của Tỉnh và các tỉnh trong vùng.

- Rà soát các khu, cụm, điểm công nghiệp của tỉnh, tạo mặt bằng, khuyến khích, hỗ trợ và mời gọi doanh nghiệp đầu tư chế biến nông sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý cho các nông sản chủ lực của tỉnh gắn với nguồn gốc và quản lý chất lượng theo chuỗi.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại dưới nhiều hình thức: giới thiệu, quảng bá các sản phẩm chủ lực có chất lượng cao trên Website của tỉnh, ngành, doanh nghiệp; thường xuyên thông tin, dự báo kịp thời về thị trường nông sản.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, HTX phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trong nước và xuất khẩu. Thành lập Hiệp hội ngành hàng để bảo vệ quyền lợi nông dân và thành viên, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để huy động và sử dụng hiệu quả kỹ thuật, kinh nghiệm, nguồn vốn hỗ trợ sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản.

III. NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

(Theo phụ lục chi tiết đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch này; gắn kế hoạch này với Chương trình xây dựng nông thôn mới;

- Định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các Sở, Ban ngành của tỉnh:

Trên cơ sở Kế hoạch này, căn cứ chắc năng, nhiệm vụ phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình triển khai thực hiện, xem xét, ưu tiên bố trí vốn để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các Chương trình, dự án, đề án sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chắc năng, nhiệm vụ phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch này, bảo đảm hoàn thành kịp thời, hiệu quả, phù hợp với thực tế.

- Định kỳ 6 tháng và hàng năm, tiến hành đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện về Ban chỉ đạo đề án tái cơ cấu của tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần phải sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đầu mối tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

(Kèm theo phụ lục chi tiết đính kèm)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phụ lục chi tiết: NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
Triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững
tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2017 của Ủy nan nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

| TT | Hoạt động | Nội dung cụ thể | Thời gian | | | Hình thức VB/cấp phê duyệt | Cơ quan chủ trì | Cơ quan Phối hợp |
|-----------|--|--|-------------|-------------|-------------|-----------------------------------|-----------------------------|---|
| | | | Bắt đầu | Phê duyệt | Triển khai | | | |
| I | Giải pháp tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, nội dung đề án | | | | | | | |
| 1 | Tổ chức triển khai thực hiện chung Đề án | -Các hoạt động của Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc, tổ chức triển khai, các Hội nghị, Hội thảo, tổ chức sơ, tổng kết, kiểm tra, giám sát, đánh giá, khen thưởng, tham dự các Hội nghị, Hội thảo... | 2016 | | 2016 - 2020 | Ban chỉ đạo/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | -Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án | | | | | | |
| | | - Xây dựng Kế hoạch triển khai tái cơ cấu theo từng lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, và chế biến nông lâm sản & thủy sản | Quý IV/2016 | Quý I/2017 | 2016 - 2020 | KH/Sở NN&PTNT/ UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng chuyên trang, chuyên mục đăng tải tin, bài, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng về TCC ngành NN | Hàng năm | | 2016 - 2020 | Tin/bài/phóng sự Các cơ quan TTĐC | Sở: Thông tin & TT, NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| II | Giải pháp nâng cao chất lượng quy hoạch và hiệu quả quản lý nhà nước đối với quy hoạch | | | | | | | |
| 1 | Rà soát quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất | -Rà soát quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất để xây dựng các vùng chuyên canh, các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và lộ trình thực hiện theo 7 ngành hàng nông nghiệp chủ lực của tỉnh | Quý I/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở TN&MT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| 2 | Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch/đề án lĩnh vực ngành, sản phẩm chủ yếu trong lĩnh vực NN&PTNT | - Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 | Quý I/2017 | Quý II/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển thủy lợi đến năm 2020 và định hướng đến 2025 | Quý IV/2016 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | -Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến 2030 | Quý I/2016 | Quý II/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |

| TT | Hoạt động | Nội dung cụ thể | Thời gian | | | Hình thức VB/cấp phê duyệt | Cơ quan chủ trì | Cơ quan Phối hợp |
|----|-----------|---|-------------|-------------|-------------|----------------------------|-----------------|---|
| | | | Bắt đầu | Phê duyệt | Triển khai | | | |
| | | - Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển thủy sản giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến 2030 | Quý I/2016 | Quý II/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch cánh đồng lớn giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 | Quý I/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch/Kế hoạch rà soát điều chỉnh, bổ sung bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 | Quý I/2016 | Quý II/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 | Quý I/2016 | Quý II/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng đề án đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | Quý IV/2017 | Quý IV/2018 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng Đề án tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. | Quý IV/2016 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động khuyến nông đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. | Quý IV/2017 | Quý IV/2018 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động bảo vệ thực vật đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. | Quý IV/2017 | Quý IV/2018 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng Đề án nâng cao năng lực quản lý hoạt động lâm nghiệp đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. | Quý IV/2017 | Quý IV/2018 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng chương trình phát triển giống bò thịt trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. | Quý II/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng chương trình phát triển kênh sản | Quý | Quý | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở | Các Sở, ban, |

| TT | Hoạt động | Nội dung cụ thể | Thời gian | | | Hình thức VB/cấp phê duyệt | Cơ quan chủ trì | Cơ quan Phối hợp |
|------------|---|---|-------------|-------------|-------------|----------------------------|--------------------|--|
| | | | Bắt đầu | Phê duyệt | Triển khai | | | |
| | | xuất, phân phối tiêu thụ nông sản theo hướng Việt GAP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. | I/17 | IV/2017 | | | NN&PTNT | ngành, UBND huyện, thị, TP |
| 3 | Rà soát, điều chỉnh, quy hoạch/ chương trình lĩnh vực ngành công thương | - Rà soát, điều chỉnh, hoặc lập mới quy hoạch phát triển hệ thống thương mại và dịch vụ phục vụ sản xuất và tiêu thụ nông sản phẩm. | Quý I/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở Công thương | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Rà soát điều chỉnh hoặc xây dựng mới quy hoạch công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp: chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi, công nghệ giảm tổn thất sau thu hoạch. | Quý II/2017 | Quý II/2018 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| | | - Xây dựng chương trình tổng thể xúc tiến thương mại tiêu thụ nông lâm sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. | Quý I/17 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở Công thương | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP |
| III | Giải pháp đầu tư công và triển khai các Chương trình/Dự án ưu tiên | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng các Dự án ưu tiên thuộc Đề án TCC NN | - Dự án/đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc tỉnh | Quý I/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan |
| | | - Dự án/đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc huyện | Quý I/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | - Dự án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc tỉnh | Quý I/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | -nt- |
| | | - Dự án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc huyện (Thí điểm) | Quý I/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | - Dự án đầu tư vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | - Dự án đầu tư vùng sản xuất hồ tiêu ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | - Dự án đầu tư vùng sản xuất rau, hoa, bơ, ngô trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố ứng dụng công nghệ cao. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | - Dự án đầu tư mô hình ứng dụng CNC trong sản xuất cà phê khép kín kết hợp với du lịch | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |

| TT | Hoạt động | Nội dung cụ thể | Thời gian | | | Hình thức VB/cấp phê duyệt | Cơ quan chủ trì | Cơ quan Phối hợp |
|-----------|--|---|------------|-------------|-------------|----------------------------|---|--------------------|
| | | | Bắt đầu | Phê duyệt | Triển khai | | | |
| | | sinh thái (Thí điểm) | | | | | | |
| | | - Dự án đầu tư các mô hình HTX kiểu mới sản xuất kinh doanh hiệu quả, bền vững. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | - Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ lên men nhanh và sản xuất cồn xử lý môi trường trong chế biến cà phê theo phương pháp ướt. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | -Các dự án đầu tư phát triển hệ thống nghiên cứu chuyên giao và cung ứng giống cây trồng nông lâm nghiệp chất lượng cao | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | -Các dự án đầu tư phát triển hệ thống nghiên cứu chuyên giao và cung ứng giống vật nuôi, thủy sản chất lượng cao | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | -Dự án phát triển mô hình lâm nông kết hợp quản lý lâm nghiệp cộng đồng và phát triển dịch vụ môi trường rừng. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | -nt- |
| | | -Các dự án giám sát, phòng ngừa và kiểm soát sinh vật gây hại và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | -Các dự án bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, bảo đảm an toàn thực phẩm nông lâm, thủy sản | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | -Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản tập trung, phát triển giống thủy sản, hệ thống cảnh báo và giám sát môi trường, hệ thống quản lý dịch bệnh về thú y, thủy sản | Quý I/2017 | Quý IV/2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT Các huyện, thị, TP | -nt- |
| | | -Các dự án đầu tư các công trình thủy lợi theo các quy hoạch, đề án đã được phê duyệt. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở: KH&ĐT, NN&PTNT huyện, thị, TP | -nt- |
| IV | Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ | | | | | | | |
| | Ứng dụng khoa học công nghệ | -Nguyên cứu xây dựng bộ giống cây trồng vật nuôi chủ lực đặt trung của tỉnh có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao và thích ứng với biến đổi khí hậu cho 7 sản phẩm chủ lực | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở: KH&CN | Các Sở, ban, ngành |
| | | -Nghiên cứu, lựa chọn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và những giải pháp công nghệ tiên tiến | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở: KH&CN | -nt- |

| TT | Hoạt động | Nội dung cụ thể | Thời gian | | | Hình thức VB/cấp phê duyệt | Cơ quan chủ trì | Cơ quan Phối hợp |
|-----------|---|--|------------|--------------|-------------|-------------------------------|----------------------------|--|
| | | | Bắt đầu | Phê duyệt | Triển khai | | | |
| | | vào sản xuất như: Sử dụng các giống lúa chất lượng tốt, tưới nước tiết kiệm trên cây cà phê, áp dụng công nghệ chăn nuôi chuồng kín, chăn nuôi không mùi, công nghệ sản xuất thịt sạch, trứng sạch, công nghệ xử lý chất thải... | | | | | | |
| | | -Tăng cường ứng dụng VietGAP, GlobalGAP ... và các chế phẩm sinh học trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/Sở NN&PTNT/ UBND cấp huyện | Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện | -nt- |
| V | Giải pháp tổ chức sản xuất | | | | | | | |
| 1 | Phát triển HTX/ THT trong nông nghiệp gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ, xây dựng cánh đồng lớn | Đề án tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 | Quý I/2017 | Quý IV/ 2017 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP /Liên minh HTX |
| 2 | Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm địa phương cho các ngành hàng TCC | Xây dựng và triển khai chuỗi giá trị cho các ngành hàng Đề án TCC NN gắn với doanh nghiệp | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/UBND tỉnh | Sở: Công Thương, NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP /Liên minh HTX THT/HTX/DN... |
| 3 | Nhân rộng Dự án chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp | Xây dựng kế hoạch nhân rộng Dự án chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo QĐ số 1051/QĐ- NHNN. | Quý I/2016 | Quý IV/ 2016 | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở: Công Thương, NN&PTNT | Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, TP /Liên minh HTX THT/HTX/DN... |
| VI | Giải pháp thực hiện chính sách đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp | | | | | | | |
| 1 | Dự án tiềm năng mời gọi đầu tư | Mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Xây dựng nội dung các dự án tiềm năng mời gọi đầu tư để mời gọi doanh nghiệp đầu tư. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, ngành, huyện, thị, tp Trung tâm XTTM |
| 2 | Chính sách mời gọi đầu tư | Tiếp tục thực hiện kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2015-2020 theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính | Hàng năm | | 2016- 2020 | QĐ/UBND tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, ngành, huyện, thị, tp Trung tâm |

| TT | Hoạt động | Nội dung cụ thể | Thời gian | | | Hình thức VB/cấp phê duyệt | Cơ quan chủ trì | Cơ quan Phối hợp |
|----|---|---|-----------|-----------|-------------|----------------------------|--------------------------------------|---|
| | | | Bắt đầu | Phê duyệt | Triển khai | | | |
| | | phù | | | | | | XTTM |
| 3 | Xúc tiến mời gọi đầu tư | Tổ chức các sự kiện mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào Đắk Lắk đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, trong đó ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển các sản phẩm tái cơ cấu. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/UBND tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các Sở, ngành, huyện, thị, tp, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp |
| 4 | Tín dụng thu hút đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp | -Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư số 10/2015/TT-NHNN, ngày 22/7/2015 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/Ngân hàng nhà nước | Ngân hàng nhà nước chi nhánh Đắk Lắk | Sở CT; NN&PTNT, KH&CN, huyện, thị, tp |
| | | Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình gói tín dụng 3.000 tỷ đồng để hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp vay vốn sx và kinh doanh nhằm đẩy nhanh chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | | | |
| | | Xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ vốn cho nông dân và doanh nghiệp tham gia các mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/UBND tỉnh | | |
| | | Xây dựng và thực hiện kế hoạch thí điểm mô hình tín dụng trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và xuất khẩu cà phê, trong đó Ngân hàng có vai trò điều phối vốn. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | | | |
| 5 | Đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn | Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 22/11/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn duyệt tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020” và Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 của UBND tỉnh về quy định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề lao động nông thôn. | Hàng năm | | 2016-2020 | KH/UBND tỉnh | Sở: LĐT&XH, NN&PTNT | Sở: Nội vụ, TC, KH&ĐT NN&PTNT; các trường Cao đẳng nghề/các huyện/thị/t p |

| TT | Hoạt động | Nội dung cụ thể | Thời gian | | | Hình thức VB/cấp phê duyệt | Cơ quan chủ trì | Cơ quan Phối hợp |
|----|---|---|-----------|-----------|-------------|----------------------------|-----------------|--|
| | | | Bắt đầu | Phê duyệt | Triển khai | | | |
| 6 | Nâng cao chất lượng cán bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp, Tổ chức đại diện nông dân phục vụ TCC NN | Xây dựng và thực hiện Kế hoạch "Đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp" nhằm tăng cường mạnh hơn đội ngũ cán bộ kỹ thuật địa phương cùng "sát cánh" với nông dân đưa nhanh tiến bộ KHKT vào sản xuất. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | |
| | | Xây dựng và triển khai kế hoạch chương trình hợp tác với các Sở ngành trong và ngoài tỉnh nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ ngành hàng TCC | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Các Sở, ngành, Liên minh HTX, Viện, các trường Đại học, Cao đẳng nghề/các huyện/thị/tp |
| | | Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ HTX, THT phục vụ cho yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn trong đó ưu tiên thực hiện cho các sản phẩm tái cơ cấu. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Liên minh HTX, Hội nông dân... |
| | | Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn nâng cao kỹ năng điều hành, lãnh đạo BQL Tổ hợp tác/Hợp tác xã. | Hàng năm | | 2016 - 2020 | KH/UBND tỉnh | Sở NN&PTNT | Liên minh HTX, Hội nông dân... |

